

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Sầm Thị Thiên N, sinh năm 1981.

- Bị đơn: Anh Ma Văn V, sinh năm 1980.

Đều trú tại: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Vũ H. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Liêu Viết L. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng Giao dịch huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nông Thị Thu H. Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Sầm Thị Thiên N và anh Ma Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Sầm Thị Thiên N và anh Ma Văn V thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Sầm Thị Thiên N và anh Ma Văn V có 02 con chung tên là Ma Thị Quỳnh C, sinh ngày 28/10/2002 và Ma Thanh T, sinh ngày 04/7/2004. Chị N và anh V thống nhất, thỏa thuận anh Ma Văn V được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Anh Ma Văn V không yêu cầu chị Sầm Thị Thiên N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Sầm Thị Thiên N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung:** Chị N và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:**

+ Chị Sầm Thị Thiên N có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn, Phòng Giao dịch huyện C khi đến hạn trả nợ. Chị Sầm Thị Thiên N có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh của số tiền gốc phải trả theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Kạn khi đến hạn trả nợ.

+ Anh Ma Văn V có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh của số tiền gốc phải trả theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Kạn khi đến hạn trả nợ.

- **Về án phí:** Chị Sầm Thị Thiên N phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và anh Ma Văn V phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Sầm Thị Thiên N tự nguyện chịu toàn bộ án phí án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị Nga đã nộp theo biên lai số 06180 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Sầm Thị Thiên N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Cận